



*Báo cáo tài chính hợp nhất*  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG VÀ CÔNG TY CON**  
*cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*  
*đã được kiểm toán*



**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 38205943 – 38205944

Fax: (08) 38205942

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	06 - 06
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2012	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2012	10 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012	11 - 32



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kiên Hùng (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Kiên Hùng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700339752 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp:

- Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Bán buôn thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất nước đá; Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, chất phụ gia, hóa chất hydrogen peroxide, chlorine phục vụ cho chế biến thủy sản; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 56.020.000.000 đồng.

Công ty có 02 chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Bột Cá Kiên Hùng  
Địa chỉ Chi nhánh: đặt tại Tổ 8, Ấp An Bình, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Trạm thu mua chế biến thủy sản.  
Địa chỉ Chi nhánh: Kiot 76, Khu cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.  
Kể từ ngày 01/09/2012, Trạm thu mua chế biến thủy sản chính thức giải thể theo Quyết định 65/QĐ-HĐQT-KH ngày 14/08/2012 của Công ty. Các nghĩa vụ phát sinh từ việc giải thể sẽ được bàn giao về lại Văn phòng Công ty.

### **CÔNG TY CON**

Số Công ty con của Công ty Cổ phần Kiên Hùng tại 31/12/2012 : 01 Công ty

- Tổng số Công ty con được hợp nhất: 01 công ty
- Tổng số Công ty con không được hợp nhất: - công ty

Danh sách Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo này:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2012	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty đến ngày 31/12/2012
Công ty Cổ phần Biển Xanh Kiên Giang	55,56%	55,56%

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của giai đoạn tài chính năm 2012 của Công Ty Cổ Phần Kiên Hùng và Công ty con được Ban Tổng Giám đốc lập và trình bày từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.



## **SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông <b>TRẦN QUỐC DŨNG</b>	Chủ tịch
Ông <b>DƯƠNG CÔNG TRỊNH</b>	Phó Chủ tịch
Bà <b>LÂM THỊ HƯƠNG MAI</b>	Thành viên
Bà <b>LÂM THỊ HƯƠNG NGỌC</b>	Thành viên
Ông <b>HUỲNH CÔNG LUẬN</b>	Thành viên

### **BAN KIỂM SOÁT**

Ông <b>ĐẶNG THANH SƠN</b>	Trưởng ban
Ông <b>NGUYỄN VĂN THIỆT</b>	Thành viên
Bà <b>HỨA BÍCH TUYẾN</b>	Thành viên

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Ông <b>TRẦN QUỐC DŨNG</b>	Tổng Giám đốc
Ông <b>DƯƠNG CÔNG TRỊNH</b>	Phó Tổng Giám đốc
Ông <b>HUỲNH CÔNG LUẬN</b>	Giám đốc Chi nhánh-Nhà máy Bột Cá Kiên Hùng
Ông <b>NGUYỄN TẤN ĐẠT</b>	Kế toán trưởng

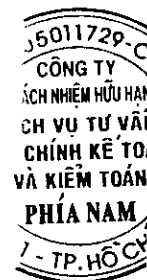
### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Kiên Hùng và Công ty con của giai đoạn tài chính năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

## Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo qui định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

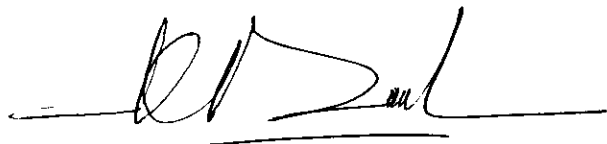
## Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kiên Hùng  
Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012  
kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty

Ngày 15 tháng 01 năm 2013

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị

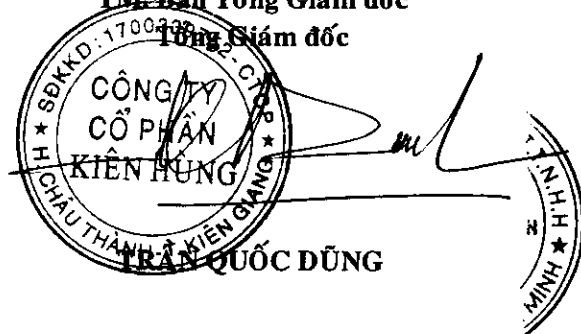


TRẦN QUỐC DŨNG

Ngày 15 tháng 01 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Số 11..... BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và Công ty con***Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và Công ty con được lập ngày 15 tháng 01 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của **Tổng Giám đốc Công ty**. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán.

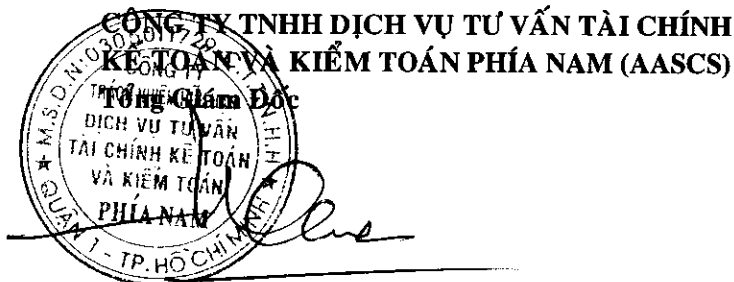
**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP HCM, ngày 29 tháng 01 năm 2013

**Kiểm Toán Viên****NGUYỄN VŨ****Chứng chỉ KTV số 0699/KTV****ĐỖ KHẮC THANH****Chứng chỉ KTV số Đ0064/KTV**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>107.823.347.274</b>	<b>87.775.064.531</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>34.174.318.557</b>	<b>14.326.137.627</b>
1. Tiền	111		34.174.318.557	14.326.137.627
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>32.247.278.641</b>	<b>22.284.547.853</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		28.239.719.493	15.705.927.434
2. Trả trước cho người bán	132		1.413.000.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	2.594.559.148	6.578.620.419
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40.404.390.792</b>	<b>48.739.704.220</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.03	40.404.390.792	49.392.864.220
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		-	(653.160.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>997.359.284</b>	<b>2.424.674.831</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		550.513.846	228.246.171
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		290.059.050	1.599.337.979
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	-	346.545.587
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	156.786.388	250.545.094
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>109.199.992.813</b>	<b>91.757.390.380</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>106.844.160.855</b>	<b>89.328.223.185</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	67.266.179.100	55.926.524.662
- Nguyên giá	222		89.600.594.854	73.905.391.136
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.334.415.754)	(17.978.866.474)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	13.947.091.674	13.187.198.500
- Nguyên giá	228		13.947.841.674	13.187.198.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(750.000)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	25.630.890.081	20.214.500.003
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>340.000.000</b>	<b>740.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10a	-	740.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10b	340.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.015.831.958</b>	<b>1.689.167.215</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.015.831.958	1.689.167.215
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>217.023.340.087</b>	<b>179.532.454.911</b>

501172  
 CÔNG TY  
 BÁCH NIỆM HỮU  
 DỊCH VỤ TƯ  
 VẤN CHỈNH KẾ  
 TOÁN KIỂM TOÁN  
 PHÍA NAM  
 TP. HỒ

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>149.042.522.797</b>	<b>107.357.902.286</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>127.419.008.411</b>	<b>91.767.136.604</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	99.772.602.328	68.135.061.847
2. Phải trả người bán	312		15.689.873.416	13.001.365.868
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	6.043.625.409	5.941.226.671
5. Phải trả người lao động	315		1.536.734.165	1.059.426.142
6. Chi phí phải trả	316		591.150.000	712.600.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	802.415.789	568.424.532
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.982.607.304	2.349.031.544
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.623.514.386</b>	<b>15.590.765.682</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	21.623.514.386	15.590.765.682
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>64.058.948.931</b>	<b>68.654.552.625</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>64.058.948.931</b>	<b>68.654.552.625</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.020.000.000	56.020.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(103.234.648)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.234.245.032	3.259.948.094
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.096.349.228	738.311.456
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		686.360.509	336.527.723
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(978.005.839)	8.403.000.000
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>3.921.868.359</b>	<b>3.520.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>217.023.340.087</b>	<b>179.532.454.911</b>

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

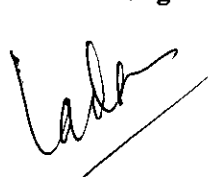
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Ngoại tệ các loại	USD	850.774	2.732,83

Người lập biểu



Lâm Thị Hương Ngọc

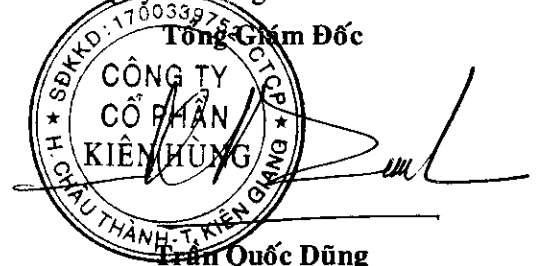
Kế toán trưởng



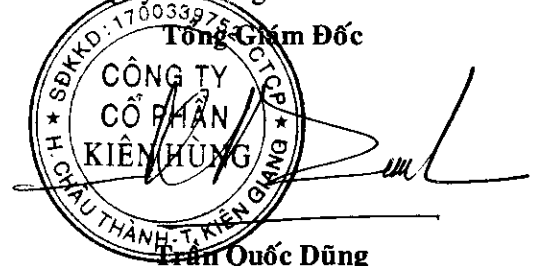
Nguyễn Tấn Đạt

Ngày 15 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám Đốc



Trần Quốc Dũng





# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

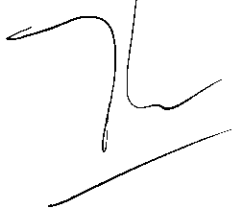
Năm 2012

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	339.550.805.772	326.915.970.296
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.850.077.437	5.881.880
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		337.700.728.335	326.910.088.416
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	292.841.320.366	289.268.792.573
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.859.407.969	37.641.295.843
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	687.166.411	4.347.081.022
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	8.751.719.647	8.633.134.691
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.316.840.613	6.265.077.957
8. Chi phí bán hàng	24		8.852.620.369	8.186.803.203
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.523.612.389	8.063.259.890
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.418.621.976	17.105.179.081
11. Thu nhập khác	31		309.231.283	22.727.273
12. Chi phí khác	32		299.151.991	52.844.326
13. Lợi nhuận khác	40		10.079.292	(30.117.053)
14. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	41			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.428.701.268	17.075.062.028
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.584.401.863	248.675.884
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	V.20	16.844.299.405	16.826.386.144
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(78.131.641)	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		16.922.431.046	16.826.386.144
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21	3.021	3.004

Ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



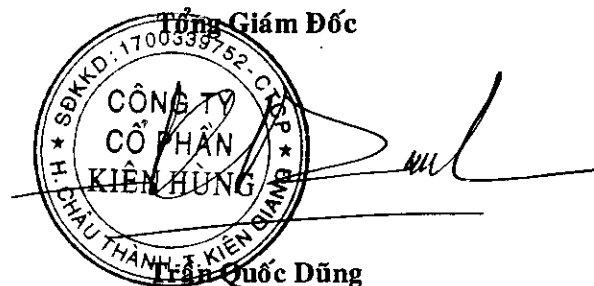
Lâm Thị Hương Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Đạt

Tổng Giám Đốc



Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG, H. CHÂU THÀNH, T. KIÊN GIANG, SĐKKD: 1700339752-C/CP

Trần Quốc Dũng

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

( Theo phương pháp trực tiếp )

Năm 2012

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	338.565.216.235	328.914.384.715
2. Tiền chi trả cho người cung cấp dịch vụ và hàng hóa	02	(287.732.419.378)	(299.342.453.599)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.389.535.074)	(15.520.611.510)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(9.081.145.235)	(715.194.643)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(619.829.099)	(37.043.553)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.018.908.841	48.278.955.435
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.705.355.926)	(59.868.958.158)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.055.840.364</b>	<b>1.709.078.687</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.873.472.370)	(2.708.800.241)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua lại công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.500.000.000)	(70.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.500.000.000	70.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(370.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	400.000.000	
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	59.012.958	3.808.034.912
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.414.459.412)</b>	<b>729.234.871</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	480.000.000	3.520.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	319.360.468.625	214.927.570.547
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(287.664.855.492)	(202.094.183.854)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.046.891.510)	(7.232.061.302)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>13.128.721.623</b>	<b>9.121.325.591</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>19.770.102.575</b>	<b>11.559.638.949</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>14.326.137.627</b>	<b>2.844.577.033</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	78.078.355	(78.078.355)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 VII.23</b>	<b>34.174.318.557</b>	<b>14.326.137.627</b>

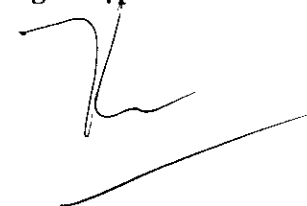
3050117  
CÔNG TRÁCH NHIỆM DỊCH VỤ TÍNH VÀ KIỂM PHÍA TP.

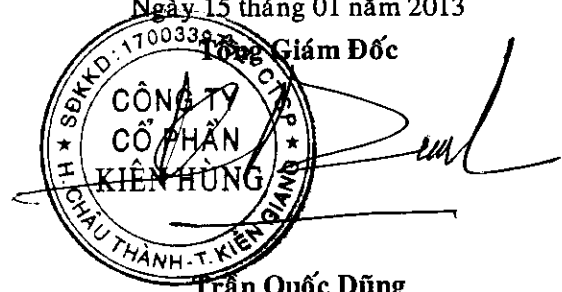
Ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





Lâm Thị Hương Ngọc

Nguyễn Tấn Đạt

Trần Quốc Dũng

# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2012

## **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Kiên Hùng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700339752 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp:

- Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Bán buôn thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất nước đá; Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, chất phụ gia, hóa chất hydrogen peroxide, chlorine phục vụ cho chế biến thủy sản; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 56.020.000.000 đồng.

Công ty có 02 chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Bột Cá Kiên Hùng  
Địa chỉ Chi nhánh: đặt tại Tổ 8, Ấp An Bình, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Trạm thu mua chế biến thủy sản.  
Địa chỉ Chi nhánh: Kiot 76, Khu cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.  
Kể từ ngày 01/09/2012, Trạm thu mua chế biến thủy sản chính thức giải thể theo Quyết định 65/QĐ-HĐQT-KH ngày 14/08/2012 của Công ty. Các nghĩa vụ phát sinh từ việc giải thể sẽ được bàn giao về lại Văn phòng Công ty.

## **CÔNG TY CON**

Số Công ty con của Công ty Cổ phần Kiên Hùng tại 31/12/2012 : 01 Công ty

- Tổng số Công ty con được hợp nhất: 01 công ty
- Tổng số Công ty con không được hợp nhất: - công ty

Danh sách Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo này:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn góp của công ty đến ngày 31/12/2012	Tỷ lệ biểu quyết của công ty đến ngày 31/12/2012
Công ty Cổ phần Biển Xanh Kiên Giang	55,56%	55,56%

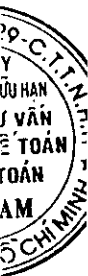
## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



### **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và các văn bản bổ sung, hướng dẫn kèm theo.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực ban hành kèm theo. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Nguyên tắc thực hiện Báo cáo tài chính hợp nhất**

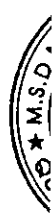
##### **1.1 Công ty con**

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất từ ngày quyền kiểm soát của các công ty con này được trao cho Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày Công ty không còn quyền kiểm soát các công ty này.

Công ty và các Công ty con hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con. Phần giá trị chênh lệch cao hơn giữa giá phí mua và giá trị hợp lý của tài sản thuần tương ứng với phần vốn sở hữu của Công ty trong các công ty con được ghi nhận là Lợi thế thương mại; Trường hợp giá phí mua thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần tương ứng thì phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.



### **1.2 Lợi ích cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **1.3 Công ty liên kết và Công ty liên doanh**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát.

Các công ty liên doanh là các đơn vị mà Công ty và các đối tác khác thực hiện các hoạt động kinh tế trên cơ sở thiết lập quyền kiểm soát chung.

Công ty áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hoạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên doanh và liên kết sau ngày hợp nhất và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của các công ty liên doanh và liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết, Công ty không được phép tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên doanh và liên kết.

Các chính sách kế toán của các công ty liên doanh và liên kết cũng phải thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với chính sách kế toán được Công ty áp dụng.

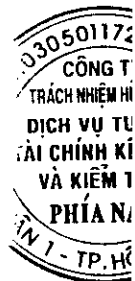
## **2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được áp dụng theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ban hành ngày 24/10/2012.



### **3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

#### **3.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình biến đổi nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**3.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:** Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình:**

Phương pháp, tỷ lệ trích khấu hao được thực hiện tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông Tư 203/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.



Cụ thể như sau:

- Đối với nhà cửa, vật kiến trúc, thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng, với mức trích:

- o Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 50 năm
- o Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 10 năm
- o Tài sản cố định khác 04 - 12 năm

- Đối với máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp sản xuất, Công ty phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm. Công suất thiết kế máy 1.000 tấn/năm.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là giảm trừ giá gốc đầu tư.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### **7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

**Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

#### **Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.







**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

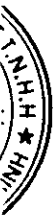
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**12. Các bên liên quan:**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch giữa các bên liên quan: Là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan đã được chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	833.460.437	3.176.164.821
- Tiền gửi ngân hàng	33.340.858.120	11.149.972.806
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>34.174.318.557</b>	<b>14.326.137.627</b>

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	6.285.990	3.777.366
- Bảo hiểm y tế	663.555	944.342
- Bảo hiểm thất nghiệp	442.370	629.561
- Ông Huỳnh Văn Hiền	200.000.000	200.000.000
- Công ty CP tư vấn thiết kế đầu tư XD Hợp Phát	350.448.000	-
- Trung tâm quan trắc TN&MT Kiên Giang	1.328.000.000	415.000.000
- Công ty TNHH Thiên Trung	465.080.753	1.330.000.000
- Phải thu khác	243.638.480	4.628.269.150
<b>Cộng</b>	<b>2.594.559.148</b>	<b>6.578.620.419</b>

**3. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	3.972.051.318	4.992.428.676
- Công cụ, dụng cụ	2.364.173.734	2.237.891.447
- Thành phẩm	34.068.165.740	42.162.544.097
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>40.404.390.792</b>	<b>49.392.864.220</b>

Ghi chú: Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được dùng để cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Công Thương Kiên Giang.

**4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	346.545.587

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	156.786.388	250.545.094

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>26.567.713.761</b>	<b>42.643.386.215</b>	<b>2.173.083.657</b>	<b>1.064.523.174</b>	<b>292.410.000</b>	<b>1.164.274.329</b>	<b>73.905.391.136</b>
- Mua trong kỳ	-	346.430.000	396.349.545	-	-	-	742.779.545
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.993.572.155	11.378.117.154	954.982.487	107.072.727	-	-	15.433.744.523
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(414.720.350)	-	-	-	-	(414.720.350)
- Giảm khác (*)	-	(66.600.000)	-	-	-	-	(66.600.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>29.561.285.916</b>	<b>53.886.613.019</b>	<b>3.524.415.689</b>	<b>1.171.595.901</b>	<b>292.410.000</b>	<b>1.164.274.329</b>	<b>89.600.594.854</b>
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>4.564.806.623</b>	<b>11.686.104.176</b>	<b>323.533.144</b>	<b>711.746.315</b>	<b>79.194.383</b>	<b>613.481.833</b>	<b>17.978.866.474</b>
- Khấu hao trong kỳ	882.839.722	3.191.181.429	173.298.135	85.437.160	42.643.128	95.720.064	4.471.119.639
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(115.570.359)	-	-	-	-	(115.570.359)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.447.646.345</b>	<b>14.761.715.246</b>	<b>496.831.279</b>	<b>797.183.475</b>	<b>121.837.511</b>	<b>709.201.897</b>	<b>22.334.415.754</b>
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>							
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>22.002.907.138</b>	<b>30.957.282.039</b>	<b>1.849.550.513</b>	<b>352.776.859</b>	<b>213.215.617</b>	<b>550.792.496</b>	<b>55.926.524.662</b>
<b>Tại ngày cuối năm (**)</b>	<b>24.113.639.571</b>	<b>39.124.897.773</b>	<b>3.027.584.410</b>	<b>374.412.426</b>	<b>170.572.489</b>	<b>455.072.432</b>	<b>67.266.179.100</b>

**Ghi chú:**

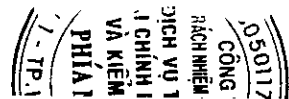
(\*) Điều chỉnh chi phí sửa chữa lớn phát sinh cuối năm 2011 chưa phân bổ sang chi phí trả trước dài hạn để phân bổ cho đúng qui định.

(\*\*) Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

22.265.000 VND

- Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng thuyết minh tại Mục V.11 và V.14.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số dư đầu năm		13.187.198.500	13.187.198.500
- Mua trong kỳ	15.000.000	745.643.174	760.643.174
Số dư cuối năm	15.000.000	13.932.841.674	13.947.841.674
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm		-	-
- Khấu hao trong kỳ	750.000		750.000
Số dư cuối năm	750.000	-	750.000
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
Tại ngày đầu năm	-	13.187.198.500	13.187.198.500
Tại ngày cuối năm (*)	14.250.000	13.932.841.674	13.947.091.674

**Ghi chú:**

(\*) Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất của nhà máy chế biến bột cá, giá trị sổ sách là 5.043.491.775 đ, để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Ngoại Thương.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang	25.630.890.081	20.214.500.003
Trong đó:		
+ Mua sắm TSCĐ	12.522.338.380	15.586.260.301
+ Xây dựng cơ bản	13.108.551.701	4.628.239.702

**10.a Đầu tư liên doanh liên kết**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hồng Phát	-	-	74.000	740.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>74.000</b>	<b>740.000.000</b>

Trong năm, Công ty tiến hành giảm vốn khỏi Công ty cổ phần đầu tư Hồng Phát. Đến ngày 31/12/2012, Công ty còn nắm giữ 340.000.000đ, chiếm 17 % quyền biểu quyết.

**10.b Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hồng Phát	34.000	340.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>34.000</b>	<b>340.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**11. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay VND) (*)	14.020.000.000	10.250.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay USD) (**)	11.630.411.375	15.520.244.550
- Ngân hàng Công thương Kiên Giang (khoản vay VND) (***)	8.774.730.000	6.784.761.457
- Ngân hàng Công thương Kiên Giang (khoản vay USD) (***)	61.347.460.953	35.580.055.840
- Ngân hàng Công thương Kiên Giang (khoản vay VND) (****)	4.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>99.772.602.328</b>	<b>68.135.061.847</b>

(\*) Theo hợp đồng tín dụng từng lần số 1144/12/0091/CT ngày 18/10/2012, HĐ số 1462/12/0091/CT ngày 28/11/2012, HĐ số 1624/12/2009/CT ngày 25/12/2012. Thời gian vay tối đa là 4 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Trả lãi hàng tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng bất động sản, máy móc, thiết bị tại nhà máy chế biến bột cá Kiên Hùng- Công ty cổ phần Kiên Hùng được thỏa thuận chi tiết tại hợp đồng thế chấp số 01/2012/VCB ngày 24/07/2012.

(\*\*) Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0356/12/0091/CT ngày 11/04/2012. Thời hạn vay tối đa 12 tháng. Thời gian trả lãi hàng tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, các hạng mục công trình, toàn bộ máy móc thiết bị tại nhà máy bột cá của Công ty và bảo lãnh cá nhân của Ông Trần Quốc Dũng, Bà Lâm Thị Hương Mai. Tổng giá trị bảo đảm là 38.666.000.000 đồng.

(\*\*\*) Theo hợp đồng tín dụng số 1230010/HĐTD ngày 14/06/2012. Thời gian duy trì hạn mức 12 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể của từng lần vay là 6 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất bên thứ ba, chi tiết tại hợp đồng bảo đảm số 10370006/HĐTC ngày 02/02/2010, số 11370017/HĐTC ngày 14/06/2011, số 11370018/HĐTC ngày 14/06/2011, số 11370019/HĐTC ngày 14/06/2011 và thế chấp toàn bộ vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm luân chuyển và được giữ tại kho trong quá trình kinh doanh và quyền tài sản hình thành từ vốn vay.

(\*\*\*\*) Đây là khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Biển Xanh Kiên Giang với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang theo số 12370015/HĐTD ngày 31/08/2012. Hạn mức vay: 4.000.000.000 đồng. Thời gian vay là từ ngày 06/09/2012 đến ngày 06/09/2013. Mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất bột cá. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 13.347.000.000 đồng, chi tiết được thể hiện tại hợp đồng bảo đảm số 12370015/HĐTC ngày 31/08/2012.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT	1.651.175.948	1.155.605.193
- Thuế thu nhập cá nhân	52.741.503	49.620.710
- Thuế TNDN	4.339.707.958	4.170.435.799
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	565.564.969
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.043.625.409</b>	<b>5.941.226.671</b>

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước này sẽ còn được Cơ quan Thuế kiểm tra đánh giá lại. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- BHXH, BHYT, BHTN, CPCĐ	54.509.246	112.758.982
- Cty TNHH Xây Dựng Thành Nhân	-	90.752.460
- Cty TNHH Bách Khoa Quốc Gia	211.640.000	211.640.000
- Trần Thị Luyện	-	120.550.000
- Công ty TNHH TM-DV-VT Huỳnh Quốc	322.627.243	-
- Công ty TNHH MTV Minh Hải Âu	66.000.000	-
- Phải trả khác	147.639.300	32.723.090
<b>Cộng</b>	<b><u>802.415.789</u></b>	<b><u>568.424.532</u></b>

**14. Các khoản vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bà Đỗ Thị Cẩm Hương (*)	7.600.000.000	
- Trần Duy Đức (**)	1.400.000.000	
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay VND) (***)	5.486.309.230	6.982.309.230
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay USD) (****)	2.749.337.656	3.720.588.952
- Ngân hàng Công thương Kiên Giang (khoản vay VND) (*****)	4.387.867.500	4.887.867.500
<b>Cộng</b>	<b><u>21.623.514.386</u></b>	<b><u>15.590.765.682</u></b>

(\*) Đây là khoản vay của Bà Đỗ Thị Cẩm Hương để bổ sung vốn đầu tư; thời hạn cho vay từ 28/12/2012 đến 28/06/2014; lãi suất cho vay là 12%/năm.

(\*\*) Đây là khoản vay của Ông Trần Duy Đức để bổ sung vốn đầu tư; thời hạn cho vay từ 27/12/2012 đến 27/06/2014; lãi suất cho vay là 12%/năm.

(\*\*\*) Đây là khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang để đầu tư xây dựng công trình nhà máy bột cá Kiên Hùng; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên; Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai của "Dự án xây dựng nhà máy chế biến bột cá Kiên Hùng".

(\*\*\*\*) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Kiên Giang để bù đắp và thanh toán chi phí xây dựng, chi phí mua máy móc thiết bị và các chi phí khác có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy bột cá của Công ty Cổ phần Kiên Hùng; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày 10/06/2010 đến ngày 10/06/2015; Biện pháp đảm bảo nợ vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

30501172  
CỘNG TỶ  
RÁCH NHIỆM HỮU  
TRÁCH VỤ TƯ  
A CHÍNH KẾ  
VA KIỂM TI  
PHÍA NA  
TP. HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**15. Vốn chủ sở hữu.****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Tổng cộng
- Số dư đầu năm trước	56.020.000.000	4.431.061.302	(45.990.708)	401.783.733	401.783.733	301.337.800	61.509.975.860
- Lợi nhuận trong năm 2011		16.826.386.144					16.826.386.144
- Chia cổ tức năm 2010		(4.431.061.302)					(4.431.061.302)
- Chia cổ tức đợt 1/2011 (*)		(2.801.000.000)					(2.801.000.000)
- Trích các quỹ (*)		(3.531.219.807)		2.858.164.361	336.527.723	336.527.723	-
- Chuyển Quỹ khác sang Quỹ khen thưởng ban điều hành cho đúng nội dung						(301.337.800)	(301.337.800)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành		(2.019.166.337)					(2.019.166.337)
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện			45.990.708				45.990.708
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			(103.234.648)				(103.234.648)
- Chi khác		(72.000.000)					(72.000.000)
- Số dư cuối năm trước	56.020.000.000	8.403.000.000	(103.234.648)	3.259.948.094	738.311.456	336.527.723	68.654.552.625
- Số dư đầu năm nay	56.020.000.000	8.403.000.000	(103.234.648)	3.259.948.094	738.311.456	336.527.723	68.654.552.625
- Lợi nhuận năm 2012		16.922.431.046					16.922.431.046
- Chia cổ tức đợt 2/2011 (*)		(8.403.000.000)					(8.403.000.000)
- Trích các quỹ (*)		(4.690.372.482)		3.974.296.938	358.037.772	358.037.772	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành		(2.506.264.402)					(2.506.264.402)
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện			103.234.648				103.234.648
- Tạm chi 19% cổ tức năm 2012 (*)		(10.643.800.000)	-				(10.643.800.000)
- Chi khác		(60.000.000)				(8.204.986)	(68.204.986)
Số dư cuối năm nay	56.020.000.000	(978.005.839)	-	7.234.245.032	1.096.349.228	686.360.509	64.058.948.931

**Ghi chú:**

(\*) Công ty chia cổ tức, trích các quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2011 và năm 2012 theo nội dung tại Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/01/2012.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/06/2012**

	Số tiền	Tỷ lệ góp vốn
- Vốn góp của Ông Trần Quốc Dũng	26.088.160.000	46,57%
- Vốn góp của Ông Dương Công Trịnh	1.760.000.000	3,14%
- Vốn góp của Bà Lâm Thị Hương Mai	2.000.000.000	3,57%
- Vốn góp của Các cổ đông khác	26.171.840.000	46,72%
<b>Cộng</b>	<b>56.020.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.602.000	5.602.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	5.602.000	5.602.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.602.000	5.602.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.602.000	5.602.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.602.000	5.602.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****16. Doanh thu**

Đơn vị tính: VND

	Năm 2012	Năm 2011
- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>339.550.805.772</b>	<b>326.915.970.296</b>
+ Doanh thu bán thành phẩm đông lạnh	118.469.584.576	109.924.358.912
+ Doanh thu bán phở phẩm	1.114.380.901	4.580.288.088
+ Doanh thu bán bột cá	219.966.840.295	212.364.065.516
+ Doanh thu khác	-	47.257.780
- Các khoản giảm trừ doanh thu	<b>1.850.077.437</b>	<b>5.881.880</b>
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>337.700.728.335</b>	<b>326.910.088.416</b>
+ Doanh thu bán thành phẩm đông lạnh	116.730.159.022	109.924.358.912
+ Doanh thu bán phở phẩm	1.114.380.901	4.580.288.088
+ Doanh thu bán bột cá	219.856.188.412	212.358.183.636
+ Doanh thu khác	-	47.257.780



**17. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2012	Năm 2011
- Giá vốn của thành phẩm đông lạnh	109.129.664.559	103.268.094.539
- Giá vốn của phế phẩm	1.114.380.901	4.580.288.088
- Giá vốn của bột cá	182.597.274.906	181.373.152.166
- Giá vốn khác	-	47.257.780
<b>Cộng</b>	<b>292.841.320.366</b>	<b>289.268.792.573</b>

**18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012	Năm 2011
- Lãi tiền gửi	59.012.958	1.177.151.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	628.153.453	3.169.929.522
<b>Cộng</b>	<b>687.166.411</b>	<b>4.347.081.022</b>

**19. Chi phí tài chính**

	Năm 2012	Năm 2011
- Chi phí lãi vay	8.316.840.613	6.265.077.957
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	434.879.034	2.368.056.734
<b>Cộng</b>	<b>8.751.719.647</b>	<b>8.633.134.691</b>

**20. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.428.701.268	17.075.062.028
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng lợi nhuận chịu thuế	18.428.701.268	17.075.062.028
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	2.263.431.233	355.251.263
- Giảm 30% Thuế TNDN	679.029.370	106.575.379
- Chi phí thuế TNDN phải nộp	1.584.401.863	248.675.884

*Ghi chú: (\*) Trong năm 2011, Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi về thuế TNDN đối với các dự án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh hoàn tất trước ngày 31/12/2008 theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008.*

*Tại Nhà máy bột cá Kiên Hùng: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 56121000081 ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang cấp thì dự án đầu tư xây dựng nhà máy bột cá Kiên Hùng được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 09 năm tiếp theo; ngoài ra dự án còn được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động. Tổng vốn được ưu đãi là 30.817.000.000 đồng. Năm 2008 là năm đầu tiên Dự án được hưởng các ưu đãi này.*

*Tại Xí nghiệp đông lạnh: Theo nội dung trong các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008, lợi nhuận từ Xí nghiệp đông lạnh được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% và tiếp tục được hưởng các ưu đãi về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án thực hiện trước ngày 31/12/2008. Tổng vốn được ưu đãi: 29.669.473.374 đồng.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2012	Năm 2011
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.922.431.046	16.826.386.144
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>16.922.431.046</b>	<b>16.826.386.144</b>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.602.000	5.602.000
<b>- Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.021</b>	<b>3.004</b>

**22. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2012	Năm 2011
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	279.303.053.105	272.207.130.437
- Chi phí nhân công	14.970.566.115	12.509.045.734
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.052.167.890	3.177.155.001
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.889.509.663	3.640.755.444
- Chi phí khác bằng tiền	3.773.018.283	1.590.856.379
<b>Cộng</b>	<b>306.988.315.056</b>	<b>293.124.942.995</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

23. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****24. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm, Công ty Cổ phần Kiên Hùng có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Đối tượng	Giao dịch	Giá trị giao dịch	Số dư tại ngày 31/12/2012
Công ty CP ĐT Hồng Phát	Công ty liên kết	Giảm vốn góp	(400.000.000)	340.000.000

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban Tổng Giám đốc và HĐQT.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Thu nhập từ tiền lương, thưởng và thù lao	1.797.450.741	866.678.817
Cổ tức nhận được	6.067.472.000	6.424.781.900



**25. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam (“trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“xuất khẩu”).

	Trong nước		Xuất khẩu	
	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu thuần bán hàng	132.514.974.343	77.085.566.338	205.185.753.992	249.824.522.078
Giá vốn bán hàng	114.896.207.441	68.209.729.493	177.945.112.925	221.059.063.080
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>17.618.766.902</b>	<b>8.875.836.845</b>	<b>27.240.641.067</b>	<b>28.765.458.998</b>



**26. Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Tại ngày 31/12/2012		Tại ngày 01/01/2012		Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
	VND	Dự phòng VND	VND	Dự phòng VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.174.318.557		14.326.137.627		34.174.318.557	14.326.137.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.834.278.641		22.284.547.853		30.834.278.641	22.284.547.853
Đầu tư ngắn hạn	-		-		-	-
Đầu tư dài hạn	-		740.000.000		-	740.000.000
<b>Tổng</b>	<b>65.008.597.198</b>	<b>-</b>	<b>37.350.685.480</b>	<b>-</b>	<b>65.008.597.198</b>	<b>37.350.685.480</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	121.396.116.714		83.725.827.529		121.396.116.714	83.725.827.529
Phải trả người bán và phải trả khác	16.492.289.205		13.569.790.400		16.492.289.205	13.569.790.400
Chi phí phải trả	591.150.000		712.600.000		591.150.000	712.600.000
<b>Tổng</b>	<b>138.479.555.919</b>		<b>98.008.217.929</b>		<b>138.479.555.919</b>	<b>98.008.217.929</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định chính thức vào ngày 31/12/2012 và 01/01/2012. Công ty ước tính giá trị hợp lý và giá trị sổ sách của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính không có chênh lệch trọng yếu.

## **27. Quản lý rủi ro**

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

### **27.1 - Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro lãi suất*

- Rủi ro lãi suất là Rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.
- Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.
- Công ty quản lý Rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý Rủi ro của mình.
- Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì Rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

- Rủi ro ngoại tệ là Rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của công ty)



- Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

- Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các Rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý Rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

#### **27.2 - Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

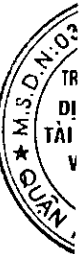
Rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng được quản lý bằng cách áp dụng hạn mức thanh toán do Ban Tổng giám đốc Công ty phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Trưởng phòng Kinh doanh và Kế toán trưởng theo dõi liên tục và báo cáo cho Ban Tổng giám đốc. Liên quan tới các khoản phải thu từ khách hàng nước ngoài, Công ty cũng thường yêu cầu khách hàng phải thanh toán trước giá trị hàng hóa, hoặc yêu cầu đảm bảo cho các khoản phải thu còn lại.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **27.3 - Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ	68.135.061.847	15.590.765.682	<b>83.725.827.529</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	13.569.790.400		<b>13.569.790.400</b>
Chi phí phải trả	712.600.000		<b>712.600.000</b>
<b>Tổng</b>	<b>82.417.452.247</b>	<b>15.590.765.682</b>	<b>98.008.217.929</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay và nợ	99.772.602.328	21.623.514.386	<b>121.396.116.714</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	16.492.289.205		<b>16.492.289.205</b>
Chi phí phải trả	591.150.000		<b>591.150.000</b>
<b>Tổng</b>	<b>116.856.041.533</b>	<b>21.623.514.386</b>	<b>138.479.555.919</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.326.137.627		<b>14.326.137.627</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.284.547.853		<b>22.284.547.853</b>
Đầu tư ngắn hạn	-		
Đầu tư dài hạn	-	740.000.000	<b>740.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>36.610.685.480</b>	<b>740.000.000</b>	<b>37.350.685.480</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.174.318.557		<b>34.174.318.557</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.834.278.641		<b>30.834.278.641</b>
Đầu tư ngắn hạn	-		
Đầu tư dài hạn	-		
<b>Cộng</b>	<b>65.008.597.198</b>	<b>-</b>	<b>65.008.597.198</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

---

**28. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kiên Hùng năm 2011 được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam kiểm toán.

Người lập biểu



**Lâm Thị Hương Ngọc**

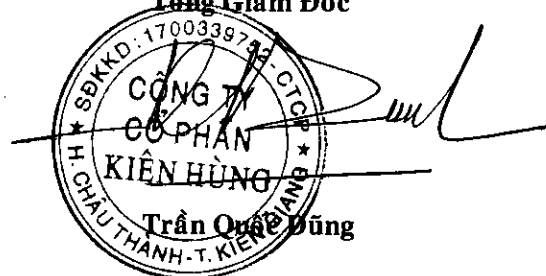
Kế toán trưởng



**Nguyễn Tấn Đạt**

Ngày 15 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám Đốc



The stamp is circular with the text "CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG" in the center. Around the perimeter, it reads "H. CHAU THANH - T. KIEN GIANG" and "SBK KD: 17003397". A handwritten signature is written over the stamp.

**Trần Quốc Dũng**

